

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28-5-2019

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoan và bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1982;

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn C, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1976;

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn A, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Chị V có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, trước khi kết hôn, chị và anh H đã ăn ở với nhau và sinh được một con chung thì vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 09/6/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 5 tháng thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh H không chịu làm ăn gì, thường xuyên uống rượu say, bạ đâu ngủ đấy, mỗi khi say anh H thường xuyên về chửi mắng, đánh

chị. Do không thể chịu đựng được cuộc sống bị bạo lực gia đình, nên năm 2012, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay. Thời gian đầu anh H và gia đình có sang tìm chị về, nhưng do nhiều lần bị đánh nên chị sợ không quay về đoàn tụ nữa, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Văn B, sinh ngày 22/5/2005 hiện đang ở với chị. Do cháu B đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với chị, anh H thường xuyên say xỉn, không chăm sóc được con vì vậy chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đến gia đình anh H để tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho bị đơn và tiến hành lấy lời khai của anh H; anh H đã trình bày: Anh và chị V kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, trước khi kết hôn, hai người đã ăn ở với nhau và có con chung, sau đó mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 09/6/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh ở thôn A được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân đều do anh không chịu khó làm ăn, hay uống rượu, do con còn bé, chị V vất vả nên cũng hay cáu gắt, khi anh về nhà thấy chị V cáu gắt, con quấy nên hay nói, chì chiết anh, chán nản anh càng uống rượu nhiều hơn, mỗi khi uống say về nhà hay chửi mắng, đánh chị V, cuộc sống không có hạnh phúc, lúc nào cũng căng thẳng. Đến năm 2012, chị V đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, lúc đó do biết mình sai nên anh và mẹ đẻ anh đã đến tìm gặp chị V xin lỗi, động viên mong chị V bỏ qua về đoàn tụ nhưng chị V cương quyết không về. Nay chị V làm đơn xin ly hôn, anh xác định vẫn còn yêu thương chị V, mong chị V suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung, những việc làm sai trái trước đây anh hứa sẽ thay đổi, vì vậy anh không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung như chị V trình bày là đúng, cháu tên là Nguyễn Văn B, sinh ngày 22/5/2005 hiện đang ở với chị V. Trường hợp chị V cương quyết ly hôn, anh nhất trí để chị V tiếp tục nuôi dưỡng con chung và nhất trí với việc chị V không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Văn H, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương và bố đẻ anh H, nhưng anh H không ký biên bản và không xuất trình các giấy tờ chứng nhận kết hôn bản chính, sổ hộ khẩu gia đình và các giấy tờ tùy thân do anh đang quản lý cho Tòa án. Do anh H không ký biên bản lấy lời khai và các biên

bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, nên Tòa án đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Văn N (bố đẻ anh H), ông N cam kết sẽ nhận và có trách nhiệm giao lại cho anh H. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp tiếp cận công bố công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. **Toà án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh H đến phiên toà vào hồi 09 giờ, ngày 22-5-2019 nhưng anh H vắng mặt. Toà án hoãn phiên toà và triệu tập anh H đến phiên toà vào hồi 14 giờ 15 phút ngày 28-5-2019, nhưng tại phiên toà anh H vẫn vắng mặt.**

Tòa án tiến hành làm việc với bố đẻ anh H là ông Nguyễn Văn N và đại diện UBND xã Q, cán bộ lao động thương binh xã hội xã Q và Trưởng thôn A để xác minh tình trạng hôn nhân của chị V, anh H, đều được cung cấp: Chị V, anh H kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn chị V, anh H sinh sống vui vẻ được khoảng 5 tháng thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H, mặc dù đã có một đời vợ (đã ly hôn) nhưng lại không chịu làm ăn, chăm lo cho vợ con mà thường xuyên uống rượu say xỉn, về nhà chửi mắng, đánh chị V, đến năm 2012, chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh H có sang tìm nhưng chị V sợ không dám quay về chung sống với anh H nữa. Nay chị V có đơn xin ly hôn và nguyện vọng xin được nuôi con, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị V ly hôn và tiếp tục giao con cho chị V nuôi dưỡng.

Tại phiên toà, chị V vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn H; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn B, sinh ngày 22/5/2005 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị V không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H được Toà án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ ngày 09/6/2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm, anh H không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con mà thường xuyên uống rượu say xỉn, từ đó về nhà thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị V. Từ năm 2012, chị V đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Mặc dù anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn chị V, tuy nhiên anh cũng thừa nhận trong thời gian vợ chồng còn chung sống, anh không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu say về chửi, mắng, đánh chị V. Từ năm 2012, chị V đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh và gia đình có xuống tìm nhưng chị V không về đoàn tụ, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, lời khai của anh H phù hợp với lời khai của chị V, ông N (bố đẻ anh H), bà M (mẹ đẻ chị V) cũng như biên bản làm việc giữa Toà án với đại diện UBND xã và các đoàn thể địa phương thôn A, xã Q. Mặc dù nguyện vọng của anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ là chính đáng và Toà án cũng đã triệu tập anh H đến Tòa án để làm việc, hòa giải nhưng anh H từ chối nhận các văn bản tố tụng, không đến tham gia hòa giải, chị V vẫn cương quyết ly hôn. Thực tế từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến nay, anh H cũng không có giải pháp nào dàn xếp, hàn gắn tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị V được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Văn B, sinh ngày 22/5/2005, hiện đang ở với chị V. Chị V đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị V thấy rằng: Tính đến ngày xét xử, cháu B đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng xin được ở với mẹ, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định “*Con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con*”. Do cháu B đang ở với chị V có cuộc sống, học tập ổn định, hiện chị V làm công nhân, có mức thu nhập bình quân hàng tháng là 5 triệu đồng và có nơi ở ổn định, mẹ đẻ chị V cũng cam kết sẽ hỗ trợ chị V nuôi con với những điều kiện tốt nhất. Anh H cũng có quan điểm trường hợp chị V cương quyết ly hôn, anh đề nghị tiếp tục giao con cho chị V nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, Toà án giao cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh

H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị V không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Văn B, sinh ngày 22/5/2005 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0005069 ngày 27/3/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Chị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân

